BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUI

NGÀNH: LUẬT KINH TẾ
MÃ NGÀNH: 7380107

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHCN ngày tháng năm 2015 của hiệu trưởng trường Đại học công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh - Năm 2015

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BỘ, NGÀNH: BỘ CÔNG THƯƠNG
TÊN TRƯỜNG: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ……/QĐ-ĐHCN ngày … tháng… năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Luật kinh doanh
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Luật kinh tế **Mã số: D380107**
Loại hình đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo đại học ngành luật kinh tế là đào tạo cử nhân luật chuyên ngành luật kinh tế có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức về an ninh quốc phòng và sức khỏe tốt, có kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hóa, xã hội liên quan đến chuyên ngành pháp luật, có trình độ chuyên môn ngành luật và chuyên sâu ngành luật kinh tế, đặc biệt là kiến thức pháp lý cho hoạt động kinh doanh trong nước và quốc tế, có năng lực thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ pháp lý được giao trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội và tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

1.2.1.1. Kiến thức chung:

- Kiến thức về lý luận chính trị: Hiểu rõ các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn: Hiểu rõ các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành luật như Xã hội học, Tâm lý học, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Logic học.

- Kiến thức chung về nhà nước và pháp luật: Hiểu rõ lịch sử hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam và các nước trên thế giới. Phân tích được vai trò của Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam. Trình bày được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam, đặc điểm hệ thống pháp luật CHXHCN Việt Nam.

1.2.1.2. Kiến thức chuyên ngành:

- Kiến thức ngành luật: Có kiến thức nền tảng các ngành luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính và luật tố tụng hành chính, luật hình sự và luật tố tụng hình sự, luật dân sự và luật tố tụng dân sự, luật lao động, luật đất đai, luật quốc tế, luật luật so sánh.

- Kiến thức chuyên ngành luật kinh tế: Có kiến thức chuyên ngành luật kinh tế như pháp luật về chủ thể kinh doanh; pháp luật về thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại; pháp luật về thương mại quốc tế; pháp luật

về chứng khoán và thị trường chứng khoán; pháp luật về đầu tư; pháp luật về cạnh tranh; pháp luật về tài chính, ngân hàng; pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, bất động sản, du lịch, thương mại điện tử, xây dựng; pháp luật về thuế; pháp luật về trọng tài thương mại; pháp luật về thi hành án dân sự.

1.2.1.3. Kiến thức bổ trợ:

- Kiến thức về khoa học kinh tế, quản trị kinh doanh như: kinh tế học, quản trị doanh nghiệp, quản trị nguồn nhân lực.

1.2.2. Về kỹ năng:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân luật kinh tế có khả năng:

- Giải thích, phân tích, áp dụng đúng các quy định của pháp luật kinh tế vào thực tiễn công tác chuyên môn nghiệp vụ liên quan;
- Tham mưu cho lãnh đạo các giải pháp, biện pháp để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật trong hoạt động của tổ chức kinh tế.
- Tiến hành được thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập, đăng ký ngành nghề kinh doanh, giải thể, phá sản, mở chi nhánh, văn phòng đại diện của các loại hình tổ chức kinh tế;
- Soạn thảo được văn bản quy phạm nội bộ (điều lệ, nội quy, quy chế, quy định), văn bản hành chính phục vụ công tác quản lý, điều hành tổ chức kinh tế;
- Soạn thảo được hợp đồng dân sự, lao động, hợp đồng kinh doanh – thương mại;
- Giao tiếp, đàm phán ký kết hợp đồng dân sự, lao động, kinh doanh, thương mại;
- Tư vấn pháp luật cho các cá nhân, tổ chức;
- Độc lập đưa ra các đề xuất giải quyết các tình huống pháp lý trong kinh doanh;
- Đại diện cho tổ chức kinh tế tham gia tố tụng trong các vụ tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án, trọng tài thương mại.
- Khả năng phản biện xã hội, đề xuất giải pháp, kiến nghị, đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước.

1.2.3. Về thái độ:

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.2.4. Các vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Làm việc tại các Công ty luật, Văn phòng luật sư, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại, Trung tâm trọng tài thương mại;
- Làm việc tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp;
- Phụ trách công tác pháp lý trong các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;
- Tư vấn pháp luật về kinh doanh, thương mại cho các tổ chức kinh tế, cá nhân kinh doanh.
- Nghiên cứu, giảng dạy luật kinh tế tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.
- Khả năng học nâng cao trình độ chuyên môn để trở thành: Luật sư, công chứng viên, chấp hành viên, thừa phát lại, trọng tài viên và các chức danh tư pháp khác.

1.2.5. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Để được xét tốt nghiệp, sinh viên đại học ngành Luật kinh tế tối thiểu phải đạt khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam bậc 2 tương đương chuẩn A2 châu Âu, có chứng chỉ tiếng Anh TOEIC 400 điểm và chứng chỉ A tin học ứng dụng.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung: Có bản lĩnh chính trị vững vàng; Hiểu rõ về chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách mạng Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành luật

- Giải thích được sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, vai trò của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam;
- Áp dụng được kiến thức, lý luận nền tảng về xã hội học, tâm lý học, logic học và luật học để giải thích, phân tích, nhận định, đánh giá đúng tính chất các quan hệ pháp luật: hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, thương mại, hành chính, lao động;
- Áp dụng được các kiến thức kinh tế học, luật học để giải thích, phân tích, đánh giá đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để giải thích, phân tích, so sánh, nhận định, đánh giá đúng tính chất, mức độ nghiêm trọng của các hành vi vi phạm pháp luật hình sự, hành chính, lao động, đất đai, môi trường; Xác định được hướng và cách thức giải quyết;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá đúng tính chất của các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; Xác định được hướng và cách thức giải quyết;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của các vụ việc hành chính; Xác định được hướng và cách thức giải quyết;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, xác định bản chất các quan hệ lao động, nhận định, đánh giá tính đúng sai của các vụ tranh chấp lao động; Xác định được hướng và cách thức giải quyết;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của các vụ việc liên quan đến đất đai; Xác định được hướng và cách thức giải quyết;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của quy trình tố tụng giải quyết các vụ án hình sự; Xác định được hướng và biện pháp cần áp dụng để khắc phục sai sót;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của quy trình tố tụng giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; Xác định được hướng và biện pháp cần áp dụng để khắc phục sai sót;
- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của quy trình tố tụng giải quyết các tranh chấp lao động; Xác định được hướng và biện pháp cần áp dụng để khắc phục sai sót;

- Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành luật để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của quy trình tố tụng giải quyết các vụ án hành chính; Xác định được hướng và biện pháp cần áp dụng để khắc phục sai sót;

- Hiểu rõ các kiến thức về công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, pháp luật so sánh.

2.1.3. Kiến thức chuyên ngành luật kinh tế

- Áp dụng được các kiến thức ngành luật thương mại để phân tích, nhận định, đánh giá tính đúng sai của các vụ tranh chấp kinh doanh, thương mại; Xác định được hướng và cách thức giải quyết;

- Giải thích, phân tích và áp dụng được kiến thức pháp luật về chủ thể kinh doanh vào hoạt động quản lý điều hành tổ chức kinh tế;

- Giải thích, phân tích và áp dụng được kiến thức pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ;

- Áp dụng được các kiến thức pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại để soạn thảo, tư vấn việc ký kết, thực hiện, thanh lý hợp đồng kinh doanh thương mại;

- Giải thích, phân tích và áp dụng được kiến thức pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán vào thực tiễn hoạt động quản lý, đầu tư kinh doanh chứng khoán;

- Phân tích và áp dụng được kiến thức pháp luật về đầu tư, cạnh tranh, pháp luật về tài chính, ngân hàng, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, bất động sản, pháp luật về thương mại điện tử, pháp luật về thuế vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế;

- Phân tích và áp dụng được kiến thức pháp luật về trọng tài thương mại để tham gia quy trình tố tụng giải quyết các vụ tranh chấp kinh doanh thương mại của tổ chức kinh tế;

- Giải thích, phân tích được kiến thức pháp lý liên quan đến hội nhập quốc tế của nước ta trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại quốc tế.

2.1.4. Kiến thức bổ trợ ngành luật kinh tế

- Phân tích và áp dụng được kiến thức pháp luật về môi trường, pháp luật về thi hành án dân sự, pháp luật về luật sư, công chứng và thừa phát lại vào hoạt động thực tiễn liên quan;

- Phân tích và áp dụng được kiến thức về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị doanh nghiệp, quản trị văn phòng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng vào hoạt động thực tiễn công tác chuyên môn nghiệp vụ có liên quan;

- Đạt khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam bậc 2 tương đương chuẩn A2 châu Âu, có chứng chỉ tiếng Anh TOEIC 400 điểm và chứng chỉ A tin học văn phòng.

2.1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Trình bày được nội dung cơ bản của các chuyên ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập;

- Áp dụng được kiến thức đã học kết hợp với thực tế hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để đề xuất những giải pháp trong lĩnh vực pháp lý liên quan đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Hoàn thành bài báo cáo thực tập có ý kiến nhận xét, đánh giá và xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập;

- Hoàn thành và bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng chuyên môn của Bộ môn luật học.

2.1.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng tự học tập suốt đời để nâng cao kiến thức.
- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc sau đại học trình độ thạc sỹ, tiến sỹ.

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

2.2.1.1. Các kỹ năng thực hành nghề nghiệp

- Tiến hành được thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập, đăng ký ngành nghề kinh doanh, giải thể, phá sản, mở chi nhánh, văn phòng đại diện của các loại hình tổ chức kinh tế;
- Soạn thảo được văn bản quy phạm nội bộ (nội quy, quy chế, quy định), văn bản hành chính phục vụ công tác quản lý, điều hành tổ chức kinh tế;
- Tư vấn, soạn thảo được hợp đồng dân sự, hợp đồng lao động, hợp đồng kinh doanh – thương mại;
- Tham mưu cho lãnh đạo các giải pháp, biện pháp để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật trong hoạt động của tổ chức kinh tế;
- Tư vấn pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về đầu tư, pháp luật về cạnh tranh, pháp luật về tài chính, ngân hàng, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, bất động sản, pháp luật về thương mại điện tử, pháp luật về thuế, pháp luật về sơ hữu trí tuệ cho các cá nhân, tổ chức kinh tế;
- Đại diện theo ủy quyền cho tổ chức kinh tế tham gia tố tụng trong các vụ án hành chính, các vụ tranh chấp lao động, kinh doanh thương mại tại tòa án;
- Đại diện theo ủy quyền cho tổ chức kinh tế tham gia tố tụng trong các vụ tranh chấp kinh doanh thương mại tại trọng tài thương mại;
- Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý, đọc hiểu các tài liệu pháp luật bằng tiếng Anh.

2.2.1.2. Kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề

- Phân tích và xác định được các quan hệ pháp luật bên trong và bên ngoài có liên quan đến cơ quan, tổ chức;
- Nhận diện được các mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ của cơ quan, tổ chức, nhóm làm việc và đề xuất được các biện pháp tối ưu để giải quyết.

2.2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Xây dựng được một chương trình khảo sát thực tế phục vụ cho đề tài tiểu luận, luận văn tốt nghiệp;
- Xác lập được qui trình thu thập và xử lý thông tin thứ cấp và sơ cấp phục vụ cho đề tài tiểu luận, luận văn tốt nghiệp;
- Phân tích, đánh giá thông tin và đưa ra kết luận phù hợp với lý luận và thực tiễn.

2.2.1.4. Năng lực áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Áp dụng được kiến thức pháp luật vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan;

- Thực hành các kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn công tác chuyên môn.

2.2.1.5. Năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp

- Lập được kế hoạch cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai;
- Tổ chức sắp xếp được các công việc chuyên môn nghiệp vụ;
- Sáng tạo trong công việc, biết tự cập nhật kiến thức pháp luật mới để hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu công việc và xã hội;
- Khả năng thích nghi với môi trường công việc áp lực cao.

2.2.2. Kỹ năng mềm

2.2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Khả năng đàm phán, thương lượng để giao kết hợp đồng, giải quyết công việc;
- Khả năng trinh bày quan điểm cá nhân và thuyết phục người khác;
- Khả năng hùng biện, lập luận, bảo vệ quan điểm;
- Khả năng phân tích vấn đề, tình huống đang xảy ra với tư duy sáng tạo từ đó suy xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng và đưa ra hướng giải quyết;
- Lập được kế hoạch công tác cho cá nhân, cho nhóm làm việc;
- Quản lý thời gian hiệu quả phục vụ công tác chuyên môn.

2.2.2.2. Làm việc theo nhóm

Tổ chức, thành lập được nhóm;

- Giải quyết được những xung đột trong nhóm;
- Quản lý, điều hành hoạt động của nhóm.

2.2.2.3. Kỹ năng quản lý

- Kiểm soát và xử lý được các tình huống phát sinh trong công việc;
- Kiểm soát được thời gian, tiến độ xử lý công việc;
- Biết tạo động lực làm việc cho tập thể;
- Phát triển được kỹ năng lãnh đạo.

2.2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp được bằng ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh;
- Giao tiếp tốt bằng phương tiện phi ngôn ngữ.

2.3. Chuẩn đầu ra về phẩm chất đạo đức

2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và có tinh thần và sức khỏe tốt;
- Có trách nhiệm với xã hội, ý thức cộng đồng cao và tác phong công nghiệp;
- Có sự tinh thần cầu thị, phê bình và tự phê bình;
- Chính trực, tôn trọng giá trị cốt lõi của con người;
- Cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực công việc cao;

2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Tinh thần thượng tôn pháp luật; Chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong đời sống và trong công tác chuyên môn;
- Có lương tâm nghề nghiệp; Hiểu nguyên tắc công bằng là giá trị cốt lõi của nghề luật;
- Luôn thể hiện tính chủ động, tinh thần sáng tạo trong công việc;
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, cầu thị và hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp; có ý thức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;

- Yêu công việc, đoàn kết nội bộ tốt, góp phần xây dựng cơ quan, doanh nghiệp ngày càng phát triển;

2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có tinh thần đoàn kết, hỗ trợ đồng nghiệp và cộng đồng;
- Có nhân cách, tôn trọng giá trị con người;
- Tôn trọng đạo đức xã hội; Tôn trọng sự thật;
- Tôn trọng, bảo vệ lợi ích của cá nhân, tổ chức, xã hội.

3. Thời gian đào tạo**:** 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa**:** 138 tín chỉ (TC)

5. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, thang điểm

6.1. Quy trình đào tạo:

Theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 928/QĐ-ĐHCN ngày 22/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM

6.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 27/12/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 15/5/2014;

Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 928/QĐ-ĐHCN ngày 22/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

6.3. Thang điểm

- Sinh viên được đánh giá theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 928/QĐ-ĐHCN ngày 22/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

7. Nội dung chương trình đào tạo

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa : 138 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục đại cương : 47 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 91 tín chỉ
  - Kiến thức cơ sở ngành luật : 42 tín chỉ
    - \+ Bắt buộc : 33 tín chỉ
    - \+ Tự chọn : 9 tín chỉ
  - Kiến thức chuyên ngành luật kinh tế : 39 tín chỉ
    - \+ Bắt buộc : 30 tín chỉ
    - \+ Tự chọn : 9 tín chỉ
  - Thực tập và khóa luận tốt nghiệp : 10 tín chỉ

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: Học trước (a) Tiên quyết (b) Song hành (c)
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**47**	
7.1.1. Lý luận, chính trị			**10**	
Học phần bắt buộc			**10**	
1	2112007	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin Fundamental principles of Marxism and Leninsm	5(5,0,10)	
2	2112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Hochiminh ideology	2(2,0,4)	
3	2112008	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary lines of the Vietnam communist party	3(3,0,6)	
7.1.2. Kiến thức khoa học xã hội – nhân văn			**10**	
Học phần bắt buộc			**4**	
1	2129401	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam History of Vietnamese state and law	2(2,0,4)	
2	2113447	Logic học Logics	2(2,0,4)	
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn ba trong số các học phần sau đây)*			**6**	
1	2129402	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới History of world's state and law	2(2,0,4)	
2	2110452	Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnam cultural facility	2(2,0,4)	
3	2110406	Lịch sử văn hóa thế giới History of world cultural	2(2,0,4)	
4	2129406	Xã hội học đại cương Sociology	2(2,0,4)	2112007 (a)
5	2110485	Tâm lí học đại cương Psychology	2(2,0,4)	2112007 (a)
6	2129408	Kỹ năng nghiên cứu, lập luận và xây dựng văn bản Skills in research, arguments, and drafting of documents	2(2,0,4)	

7.1.3. Ngoại ngữ, tin học			**10**	
Học phần bắt buộc			**7**	
1	2111480	Anh văn English	4(4,0,8)	
2	2129410	Anh văn chuyên ngành luật English for law	3(3,0,6)	2111480 (a)
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn một trong số các học phần sau đây)*			**3**	
1	2129420	Anh văn chuyên ngành luật kinh tế English for economic law	3(3,0,6)	2111480 (a) 2129410 (a)
2	2129411	Tin học văn phòng Informatics	3(2,2,6)	
7.1.4. Giáo dục thể chất, an ninh – quốc phòng			**12**	
Học phần bắt buộc			**12**	
1	2120401	Giáo dục thể chất Physical education	4(0,8,8)	
2	2120402	Giáo dục quốc phòng 1 National defence education 1	4(1,6,8)	
3	2120403	Giáo dục quốc phòng 2 National defence education 2	4(2,4,8)	2120402 (a)
7.1.5. Kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh bổ trợ			**5**	
Học phần bắt buộc			**3**	
1	2129409	Kinh tế học Economics	3(3,0,6)	
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn một trong số các học phần sau đây)*			**2**	
1	2107446	Quản trị doanh nghiệp Corporate management	2(2,0,4)	
2	2129430	Quản trị nguồn nhân lực Managing human resources	2(2,0,4)	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**91**	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành luật			**42**	
Học phần bắt buộc			**33**	
1	2129412	Lý luận nhà nước và pháp luật Doctrines of state and law	3(3,0,6)	2112007 (a)
2	2129413	Luật hiến pháp Constitutional law	3(3,0,6)	2112007 (a)
3	2129414	Luật hành chính	4(4,0,8)	2112007 (a)

		Administrative law		
4	2129419	Luật dân sự Civil law	4(4,0,8)	2129412 (c)
5	2129417	Luật hình sự Criminal law	4(4,0,8)	2112007 (a)
6	2129415	Luật lao động Labor law	3(3,0,6)	2112007 (a) 2129412 (a)
7	2129416	Luật đất đai Land law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a) 2129414 (a)
8	2129422	Luật sở hữu trí tuệ Intellectual property law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129419 (a)
9	2129418	Luật tố tụng hình sự Law on criminal procedures	3(3,0,6)	2129417 (c)
10	2129421	Luật tố tụng dân sự Law on civil procedures	3(3,0,6)	2129419 (c)
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn ba trong số các học phần sau đây)*			**9**	
1	2129424	Công pháp quốc tế Public international law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a) 2129414 (a)
2	2129425	Tư pháp quốc tế Private international law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a) 2129414 (a)
3	2129423	Luật so sánh Comparative law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a)
4	2129426	Luật hôn nhân và gia đình Law on marriage and family	3(3,0,6)	2129419 (a)
5	2129428	Luật tố tụng hành chính Law on administrative procedures	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (c)
6	2129429	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại Law on lawyers, notarization - authentication and bailiffs	3(3,0,6)	2129412 (a)
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành Luật kinh tế			**39**	
Học phần bắt buộc			**30**	
1	2129431	Pháp luật về chủ thể kinh doanh Law on business entities	3(3,0,6)	2129419 (a)
2	2129433	Luật thương mại Commerce Law	3(3,0,6)	2129419 (a)

3	2129432	Pháp luật về tài chính và ngân hàng Law on Finance and Banking	3(3,0,6)	2129414 (a)
4	2129434	Pháp luật về hợp đồng thương mại Law on commercial contracts	3(3,0,6)	2129419 (a)
5	2129436	Luật đầu tư Investment law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)
6	2129437	Luật cạnh tranh và trọng tài thương mại Competition law and commercial arbitration law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)
7	2129435	Luật thương mại quốc tế International Commerce Law	3(3,0,6)	2129419 (a) 2129433 (a)
8	2129438	Pháp luật về thuế Tax law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)
9	2129439	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Law on securities and securities market	3(3,0,6)	2129431 (a) 2129433 (a)
10	2129442	Pháp luật về thương mại điện tử Electronic commerce law	3(3,0,6)	2129431 (a) 2129433 (a)
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn ba trong số các học phần sau đây)*			**9**	
1	2129444	Pháp luật về thi hành án Law on judgment enforcement	3(3,0,6)	2129419 (a) 2129421 (a)
2	2129427	Luật môi trường Environmental law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)
3	2129452	Tập quán thương mại quốc tế và thanh toán quốc tế International trade practices and international payments	3(3,0,6)	2129433 (a)
4	2129453	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế Law on international commercial contracts	3(3,0,6)	2129433 (a) 2129434 (a)
5	2129440	Luật kinh doanh bất động sản và kinh doanh bảo hiểm Laws on real estate business and insurance business	3(3,0,6)	2129431 (a) 2129433 (a)
6	2129446	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán và soạn thảo hợp đồng Negotiation skills and drafting contracts	3(3,0,6)	2129433 (a) 2129434 (a)
7.2.3. Thực tập tốt nghiệp			**5**	

		Thực tập tốt nghiệp Field Trip at Work	5 (0,10,10)	
7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp			**5**	
	2129447	**Khóa luận tốt nghiệp** Dissertation	**5** (0,10,10)	
Tổng cộng toàn khóa			**138**	

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Học phần: học trước(a) tiên quyết(b) song hành(c)	Hình thức thi kết thúc học phần
Học kỳ 1			**17**		
Học phần bắt buộc			**17**		
1	2112007	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin Fundamental principles of Marxism and Leninsm	5(5,0,10)		Trắc nghiệm
2	2112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Hochiminh ideology	2(2,0,4)		Trắc nghiệm
3	2129401	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam History of Vietnamese state and law	2(2,0,4)		Tự luận
4	2120401	Giáo dục thể chất Physical education	4(0,8,8)		Thực hành
5	2120402	Giáo dục quốc phòng 1 National defence education 1	4(1,6,8)		Thực hành
Học phần tự chọn			**0**		
Học kỳ 2			**19**		
Học phần bắt buộc			**13**		
1	2112008	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary lines of the Vietnam communist party	3(3,0,6)		Trắc nghiệm
2	2111480	Anh văn English	4(4,0,8)		Tự luận
3	2113447	Logic học Logics	2(2,0,4)		Tự luận
4	2120403	Giáo dục quốc phòng 2 National defence education 2	4(2,4,8)	2120402 (a)	Thực hành
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn ba trong số các học phần sau)*			**6**		

1	2129402	Lịch sử nhà nước pháp luật thế giới History of world's state and law	2(2,0,4)		Tự luận
2	2110406	Lịch sử văn hóa thế giới History of world cultural	2(2,0,4)		Tự luận
3	2110452	Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnam cultural facility	2(2,0,4)		Tự luận
4	2129406	Xã hội học đại cương Sociology	2(2,0,4)	2112007 (a)	Trắc nghiệm
5	2110485	Tâm lí học đại cương Psychology	2(2,0,4)	2112007 (a)	Trắc nghiệm
6	2129408	Kỹ năng nghiên cứu, lập luận và xây dựng văn bản Skills in research, arguments, and drafting of documents	2(2,0,4)		Tự luận
Học kỳ 3			**18**		
Học phần bắt buộc			**16**		
1	2129412	Lý luận nhà nước và pháp luật Doctrines of state and law	3(3,0,6)	2112007 (a)	Tự luận
2	2129413	Luật hiến pháp Constitutional law	3(3,0,6)	2112007 (a)	Tự luận
3	2129414	Luật hành chính Administrative law	4(4,0,8)	2112007 (a)	Tự luận
4	2129410	Anh văn chuyên ngành luật English for law	3(3,0,6)	2111480 (a)	Trắc nghiệm
5	2129409	Kinh tế học Economics	3(3,0,6)		Trắc nghiệm
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn một trong hai học phần sau)*			**2**		
1	2107446	Quản trị doanh nghiệp Corporate management	2(2,0,4)		Tự luận
2	2129430	Quản trị nguồn nhân lực Managing human resources	2(2,0,4)		Tự luận
Học kỳ 4			**20**		
Học phần bắt buộc			**17**		
1	2129419	Luật dân sự Civil law	4(4,0,8)	2129412 (c)	Tự luận
2	2129417	Luật hình sự	4(4,0,8)	2112007 (a)	Tự luận

		Criminal law			
3	2129415	Luật lao động Labor law	3(3,0,6)	2112007 (a) 2129412 (a)	Tự luận
4	2129416	Luật đất đai Land law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a) 2129414 (a)	Tự luận
5	2129422	Luật sở hữu trí tuệ Intellectual property law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129419 (a)	Tự luận
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn một trong hai học phần sau)*			**3**		
1	2129420	Anh văn chuyên ngành luật kinh tế English for economic law	3(3,0,6)	2111480 (a)	Tự luận
2	2129411	Tin học văn phòng Informatics	3(2,2,6)		Thực hành
Học kỳ 5			**21**		
Học phần bắt buộc			**12**		
1	2129421	Luật tố tụng dân sự Law on civil procedures	3(3,0,6)	2129419 (c)	Tự luận
2	2129418	Luật tố tụng hình sự Law on criminal procedures	3(3,0,6)	2129417 (c)	Tự luận
3	2129431	Pháp luật về chủ thể kinh doanh Law on business entities	3(3,0,6)	2129419 (a)	Tự luận
4	2129433	Luật thương mại Commerce Law	3(3,0,6)	2129419 (a)	Tự luận
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn ba trong các học phần sau)*			**9**		
1	2129424	Công pháp quốc tế Public international law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a) 2129414 (a)	Tự luận
2	2129425	Tư pháp quốc tế Private international law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a) 2129414 (a)	Tự luận
3	2129423	Luật so sánh Comparative law	3(3,0,6)	2129412 (a) 2129413 (a)	
4	2129426	Luật hôn nhân và gia đình Law on marriage and family	3(3,0,6)	2129419 (a)	
5	2129428	Luật tố tụng hành chính	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (c)	Tự luận

		Law on administrative procedures			
6	2129429	Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại Law on lawyers, notarization - authentication and bailiffs	3(3,0,6)	2129412 (a)	
Học kỳ 6			**18**		
Học phần bắt buộc			**12**		
1	2129436	Luật đầu tư Investment law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)	Tự luận
2	2129437	Luật cạnh tranh và trọng tài thương mại Competition Law and commercial arbitration law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)	Tự luận
3	2129432	Pháp luật về tài chính và ngân hàng Law on financial and banking	3(3,0,6)	2129414 (a)	Tự luận
4	2129434	Pháp luật về hợp đồng thương mại Law on commercial contracts	3(3,0,6)	2129419 (a)	Tự luận
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn hai trong số các học phần sau)*			**6**		
1	2129444	Pháp luật về thi hành án Law on judgment enforcement	3(3,0,6)	2129419 (a) 2129421 (a)	Tự luận
2	2129427	Luật môi trường Environmental law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)	
3	2129453	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế Law on international commercial contracts	3(3,0,6)	2129433 (a) 2129434 (a)	Tự luận
4	2129452	Tập quán thương mại quốc tế và thanh toán quốc tế International trade practices and international payments	3(3,0,6)	2129433 (a)	Tự luận
Học kỳ 7			**15**		
Học phần bắt buộc			**12**		
1	2129435	Luật thương mại quốc tế International Commerce Law	3(3,0,6)	2129419(a) 2129433(a)	Tự luận

2	2129438	Pháp luật về thuế Tax law	3(3,0,6)	2129413 (a) 2129414 (a)	Tự luận
3	2129439	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Law on securities and stock market	3(3,0,6)	2129431 (a) 2129433 (a)	Tự luận
4	2129442	Pháp luật về thương mại điện tử Electronic commerce law	3(3,0,6)	2129431 (a) 2129433 (a)	Tự luận
Học phần tự chọn *(Sinh viên chọn một trong hai học phần sau)*			**3**		
1	2129440	Luật kinh doanh bất động sản và kinh doanh bảo hiểm Laws on real estate business and insurance business	3(3,0,6)	2129431 (a) 2129433 (a)	Tự luận
2	2129446	Kỹ năng giao tiếp, đàm phán và soạn thảo hợp đồng Communication skills, negotiating and drafting contracts	3(3,0,6)	2129433 (a) 2129434 (a)	Tự luận
Học kỳ 8			**10**		
Khóa luận tốt nghiệp			**5**		
	2129447	Khóa luận tốt nghiệp	5(0,10,10)		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu thật kỹ chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Tập huấn đội ngũ giảng viên cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các nội dung kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận (Seminar), chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và các chương trình ngoại khóa và hướng dẫn sinh viên viết bài thu hoạch.

9.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận (Seminar).

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của Trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

9.4. Kiểm tra, đánh giá

Giảng viên phụ trách môn học phải kiểm soát quá trình học tập của sinh viên trên lớp, học nhóm tại thư viện.

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện đúng theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 928/QĐ-ĐHCN ngày 22/9/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

9.5. Xét và công nhận tốt nghiệp

9.5.1. Thực tập cuối khóa:

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 85% tổng số tín chỉ các học phần kiến thức cơ sở khối ngành luật và kiến thức chuyên ngành luật kinh tế thì mới được đi thực tập cuối khóa. Học phần thực tập cuối khóa có khối lượng 5 tín chỉ và được thực hiện với thời gian hai tháng.

9.5.2. Khóa luận tốt nghiệp:

Khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 5 tín chỉ.

9.5.2.1. Điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp:

- Sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp khi tích luỹ đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo (không tính 10 tín chỉ dành cho thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp).

- Sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp.

9.5.2.2. Chấm khóa luận tốt nghiệp:

- Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm khóa luận tốt nghiệp. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có ít nhất hai giảng đảm nhiệm.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điển trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Sinh viên có điểm khóa luận tốt nghiệp bị điểm D (dưới 5.0), phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp.

9.5.3. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

- Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

+ Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học đạt từ 2,0 (điểm C) trở lên;

+ Có các Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;

+ Ngoại ngữ: Có chứng chỉ Anh văn TOEIC 400 điểm;

+ Tin học: Có chứng chỉ A.

- Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp phải làm đơn gởi về Khoa quản lý.

- Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên.

- Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.